

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP CHO TĂNG TRƯỞNG XANH Ở VIỆT NAM

DINH VĂN LINH*

Tóm tắt: Tăng trưởng xanh chủ trương kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và đảm bảo đời sống của con người. Để đạt được mục tiêu trong tăng trưởng xanh, Việt Nam đã dành các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực, ngành nghề sản xuất xanh, sạch, thân thiện với môi trường. Bài viết phân tích các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo quy định của Luật Thuế TNDN và các văn bản liên quan, đồng thời đánh giá thực trạng các quy định này để nhận diện các vướng mắc, tồn tại. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất những định hướng nhằm hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế cho tăng trưởng xanh ở Việt Nam.

Từ khoá: Pháp luật, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, tăng trưởng xanh

Ngày nhận bài: 03/4/2024; **Biên tập xong:** 24/4/2024; **Duyệt đăng:** 26/8/2024

COMPLETING LAW ON CORPORATE INCOME TAX INCENTIVES FOR GREEN GROWTH IN VIETNAM

Abstract: Green growth advocates the harmonious combination between economic growth, environment protection and human life assurance. In order to reach the goal of green growth, Vietnam applied corporate income tax incentives to stimulate corporations investing in the sectors or fields that are green, clean and eco-friendly. The author analyzes the provisions of corporate income tax incentives according to the provisions of Law on Corporate income tax and relevant laws as well as evaluates the practice of these provisions to identify existed obstacles. On that basis, some directions to improve the law on tax incentives for green growth in Vietnam are proposed.

Keywords: Law, corporate income tax incentives, green growth

Received: Apr 3rd, 2024; **Editing completed:** Apr 24th, 2024; **Accepted for publication:** Aug 26th, 2024

1. Đặt vấn đề

Ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng, đời sống của con người càng bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu thì tăng trưởng xanh được nhắc đến như một chiến lược tăng trưởng mới. Tăng trưởng xanh lần đầu tiên được nhắc tới tại Hội nghị cấp Bộ trưởng về Môi trường và Phát triển (Ministerial Conference on Environment and Development - MECD) lần thứ 5 được tổ chức tại Seoul (Hàn Quốc) vào tháng 3/2005, theo đó “52 chính phủ và tổ chức liên quan trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đã đồng ý thực hiện chiến lược phát triển bền vững bằng việc theo đuổi con đường tăng trưởng xanh”¹. Tháng 11/2010 tại Hội nghị thượng đỉnh G20 được tổ chức ở Seoul - Hàn Quốc, “lãnh đạo các nước G20 thừa nhận tăng trưởng xanh là một phần quan trọng không thể tách rời của phát

triển bền vững”². Theo đó, tăng trưởng xanh chủ trương duy trì tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn hài hòa với bảo vệ môi trường và đảm bảo đời sống của con người.

Việt Nam cũng như các quốc gia trên thế giới đã ban hành và thực hiện các chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh. Hiện nay, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh ở Việt Nam được thực hiện theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định số 1658/QĐ-TTg), trong đó xác định 04 mục tiêu cụ thể tại Mục II, bao gồm: (1) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP; (2) Xanh hóa các ngành kinh tế; (3) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; (4) Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu.

¹ Nguyễn Huy Hoàng, *Chính sách tăng trưởng xanh ở một số nước ASEAN trong bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2015, tr.23.

*Email: Linhdinhvan@gmail.com

Thạc sĩ, Khoa Luật, Học viện Ngân hàng

² Nguyễn Huy Hoàng, *ltdđ*, tr.27.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, Quyết định số 1658/QĐ-TTg cũng đưa ra các nhiệm vụ tại Mục IV là “Xây dựng, hoàn thiện công cụ chính sách tài chính ưu đãi...; sử dụng các công cụ thuế phí để điều chỉnh hành vi tiêu dùng không hợp lý, có hại cho sức khỏe, văn hóa và môi trường”. Trên cơ sở này có thể thấy rằng, (pháp luật) thuế được sử dụng (i) để khuyến khích hành vi sản xuất, tiêu dùng xanh, thân thiện với môi trường; hoặc (ii) để hạn chế các hành vi tiêu dùng không hợp lý, có hại cho sức khỏe, văn hóa và môi trường. Trong đó, các quy định của pháp luật về ưu đãi thuế TNDN được sử dụng theo hướng thứ nhất, dùng để khuyến khích hành vi sản xuất, tiêu dùng xanh, thân thiện với môi trường.

2. Thực trạng pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tăng trưởng xanh ở Việt Nam và vướng mắc trong quá trình thực thi

2.1. Thực trạng pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tăng trưởng xanh ở Việt Nam

Luật Thuế TNDN ở Việt Nam được ban hành theo Luật số 14/2008/QH12 của Quốc hội ngày 03/6/2008 (Luật Thuế TNDN năm 2008); tiếp đó được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 32/2013/QH13 của Quốc hội ngày 19/6/2013 (Luật Thuế TNDN sửa đổi, bổ sung năm 2013) và Luật số 71/2014/QH13 của Quốc hội (Luật sửa đổi các Luật về thuế năm 2014).

Luật Thuế TNDN góp phần thực hiện các mục tiêu của tăng trưởng xanh theo hướng quy định dành các ưu đãi về thuế cho các doanh nghiệp, bao gồm: Ưu đãi về thuế suất; ưu đãi về thời hạn hưởng thuế suất ưu đãi và ưu đãi thông qua miễn, giảm nghĩa vụ thuế TNDN. Luật Thuế TNDN quy định các ưu đãi này cho doanh nghiệp nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, sản xuất vào các hàng hoá xanh, thân thiện với môi trường; giúp doanh nghiệp có thêm tích lũy vốn để đầu tư cho khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ hiện đại, bảo vệ môi trường; thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư mạnh mẽ vào lĩnh vực bảo vệ môi trường... Từ đó, thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng xanh, thân thiện với môi trường mà vẫn đảm bảo được các yếu tố về môi trường và con người.

Thứ nhất, thực trạng quy định về thu nhập miễn thuế TNDN

Theo quy định tại Điều 4 Luật Thuế

TNDN năm 2008; khoản 3 Điều 1 Luật Thuế TNDN sửa đổi, bổ sung năm 2013; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi các Luật về thuế năm 2014 thì các thu nhập của doanh nghiệp được miễn thuế TNDN cho tăng trưởng xanh bao gồm 03 khoản thu nhập sau:

Một là, thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam. Để thực hiện các mục tiêu của tăng trưởng xanh, việc đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ rất quan trọng. Thông qua việc miễn thuế TNDN cho hoạt động từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam sẽ thúc đẩy doanh nghiệp tìm ra những phương thức sản xuất mới, vật liệu mới, nhiên liệu mới đóng góp rất lớn cho việc phát triển kinh tế, cũng như trong hoạt động bảo vệ môi trường.

Hai là, thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải (CERs) của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải. Chứng chỉ giảm phát thải hay “Chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận” (CERS) là “các giảm phát thải được chứng nhận do Ban chấp hành quốc tế về CDM cấp cho dự án CDM. 1 CER được xác định bằng một tấn khí CO₂ tương đương”³. Chứng chỉ này được coi là “một loại hàng hoá đặc biệt” có thể chuyển nhượng được. Thông qua việc chuyển nhượng chứng chỉ này, lượng phát thải khí CO₂ (chưa dùng đến) sẽ được dịch chuyển tới các quốc gia khác. Việt Nam là quốc gia có nhiều tiềm năng về rừng, nguồn nước... để thực hiện các dự án CDM⁴, thông qua đó, lượng CO₂ được hấp thụ nhiều, tạo ra lượng CER lớn. Đây chính là nguồn lợi nhuận lớn mà các doanh nghiệp sẽ thu được khi đầu tư vào các dự án CDM. Việc quy định thu nhập từ chuyển nhượng chứng

³ Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 02/8/2007 về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch.

⁴ Theo khoản 1 Điều 2 Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg, “Dự án CDM là dự án đầu tư sản xuất theo công nghệ mới, tiên tiến thân thiện với môi trường, có kết quả giảm phát thải khí nhà kính được Ban chấp hành quốc tế về CDM (là tổ chức được các nước tham gia Công ước Khí hậu thành lập và ủy quyền giám sát các dự án CDM) chấp thuận đăng ký và cấp chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính”.

chỉ CERs của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải càng tăng thêm sự thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào các dự án CDM, làm cho lượng phát thải khí CO₂ ngày càng giảm, từ đó thực hiện được những mục tiêu trong tăng trưởng xanh.

Ba là, thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thu nhập được miễn thuế TNDN nhằm khuyến khích chuyển giao công nghệ sản xuất hiện đại, thông minh, thân thiện với môi trường cho địa bàn khó khăn. Bên cạnh đó, sự chuyển giao những công nghệ này sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế ở những vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, giúp đảm bảo đời sống của người dân tại địa phương đó. Điều này góp phần thực hiện mục tiêu của tăng trưởng xanh tại Mục II Quyết định số 1658/QĐ-TTg nêu rõ “xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm... đảm bảo bình đẳng về điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi xanh”.

Thứ hai, thực trạng quy định ưu đãi về thuế suất thuế TNDN cho tăng trưởng xanh

Theo Điều 10 Luật Thuế TNDN năm 2008 và khoản 6 Điều 1 Luật Thuế TNDN sửa đổi, bổ sung năm 2013, thuế suất tiêu chuẩn từ ngày 01/01/2016 là 20%. Ưu đãi về thuế suất thuế TNDN được hiểu là các doanh nghiệp được hưởng thuế suất thấp hơn thuế suất tiêu chuẩn. Quy định hiện nay là mức thuế suất ưu đãi thuế TNDN cho tăng trưởng xanh mà doanh nghiệp được hưởng phụ thuộc vào lĩnh vực hoạt động đầu tư hoặc doanh thu. Cụ thể:

Nhóm 01, thuế suất ưu đãi 10%: theo Điều 13 Luật Thuế TNDN năm 2008; khoản 5, khoản 7 Điều 1 Luật Thuế TNDN sửa đổi, bổ sung năm 2013; khoản 5, khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi các Luật về thuế năm 2014 thì mức thuế suất ưu đãi 10% được áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện các “dự án mới về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao...; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu thụ các chất thải; bảo vệ môi trường; từ hoạt động xã hội hoá trong lĩnh vực môi trường...”. Những ưu đãi này tập trung vào những dự án cho phát triển khoa học, công nghệ, năng lượng theo hướng sạch, tiết kiệm

năng lượng, bảo vệ môi trường. Bởi lẽ, những dự án này không những có tác động rất lớn tới phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường mà còn tác động lớn tới đời sống của con người.

Nhóm 02, thuế suất ưu đãi 15%: theo khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi các Luật về thuế năm 2014, mức thuế suất 15% được áp dụng cho “thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”. Đây là ưu đãi tập trung cho ngành nông - lâm nghiệp. Những ưu đãi này có tác động lớn nhằm khuyến khích tăng diện tích trồng rừng; tăng diện tích nông nghiệp xanh ở những địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn, từ đó hỗ trợ giảm phát thải khí CO₂, chống xói mòn đất, ô nhiễm không khí và giảm tác động của biến đổi khí hậu.

Nhóm 03, thuế suất ưu đãi 17%: theo khoản 7 Điều 1 Luật Thuế TNDN sửa đổi, bổ sung năm 2013, mức thuế suất 17% được áp dụng cho “Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: Sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp...; sản xuất thiết bị tưới tiêu”. Thuế suất ưu đãi này sẽ khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng (như xe chạy bằng khí thiên nhiên thay vì chạy bằng xăng); thúc đẩy ngành nông - lâm nghiệp phát triển, đặc biệt là ngành nông nghiệp công nghệ cao khi sử dụng các quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt thì cần phải sử dụng các máy móc, thiết bị hiện đại.

Thứ ba, thực trạng quy định miễn, giảm thuế TNDN cho tăng trưởng xanh

Miễn, giảm thuế TNDN là hình thức miễn số tiền thuế TNDN phải nộp hoặc giảm trừ số tiền thuế TNDN phải nộp. Theo các quy định hiện hành, tùy vào từng lĩnh vực đầu tư mà doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về miễn, giảm thuế TNDN khác nhau. Cụ thể: (1) Miễn thuế TNDN tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp (tối đa không quá 09 năm tiếp theo). Điều 14 Luật Thuế TNDN năm 2008; khoản 8 Điều 1 Luật Thuế TNDN sửa đổi, bổ sung năm 2013 quy định ưu đãi trên dành cho những thu nhập của doanh nghiệp từ những dự án đầu tư vào các lĩnh vực thuộc nhóm 01 ở trên; (2) Miễn

thuế TNDN tối đa không quá 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp (tối đa không quá 04 năm tiếp theo) đối với thu nhập của doanh nghiệp đối với những dự án trong các lĩnh vực thuộc nhóm 02 và nhóm 03 ở trên. Ngoài ra, theo khoản 9 Điều 1 Luật Thuế TNDN sửa đổi, bổ sung năm 2013 thì “Doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được giảm 50% số thuế TNDN tính trên phần thu nhập từ chuyển giao công nghệ”. Như vậy, có thể thấy rằng những dự án đầu tư về khoa học công nghệ, công nghệ cao, bảo vệ môi trường... thường có tác động lớn đến phát triển kinh tế, sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, bảo vệ môi trường nên được hưởng nhiều ưu đãi về miễn, giảm thuế so với những dự án còn lại. Việc miễn, giảm thuế TNDN sẽ giúp cho doanh nghiệp có nhiều vốn tích lũy để gia tăng quy mô sản xuất, đầu tư để đổi mới công nghệ, sản xuất hàng hoá có hàm lượng chất xám nhiều hơn, thân thiện và đạt các quy chuẩn về môi trường. Quá trình xanh hoá sản xuất này sẽ góp phần giảm phát thải khí CO₂, giảm ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu.

2.2. Vương mãc trong quá trình thực thi pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tăng trưởng xanh ở Việt Nam

Thứ nhất, quy định hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi thuế TNDN chưa thống nhất

Hoạt động bảo vệ môi trường hiện nay được xác định theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, theo đó khoản 2 Điều 3 quy định: “Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu”. Như vậy, dựa trên định nghĩa này, hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động từ khâu phòng ngừa, xử lý và khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường. Theo Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 134 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) thì “Nhà nước thực hiện miễn, giảm thuế, phí đối với hoạt động bảo vệ môi trường”, từ các “dự án thuộc danh mục hoạt động bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1, khoản 2 Phụ lục XXX (ban hành

theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)”. Tuy nhiên, những hoạt động được liệt kê theo danh mục này còn tương đối hẹp, chưa bao quát hết được những hoạt động bảo vệ môi trường mà các doanh nghiệp tiến hành như: Chuyển giao công nghệ môi trường; cung cấp các thông tin về môi trường; tư vấn các thông tin về môi trường; đào tạo về môi trường... Trong khi đó, theo quy định tại khoản 7 và khoản 9 Điều 1 Luật Thuế TNDN sửa đổi, bổ sung năm 2013 thì các hoạt động trên đều được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN. Như vậy, giữa Luật Bảo vệ môi trường và Luật Thuế TNDN hiện hành có sự chưa thống nhất về quy định hoạt động bảo vệ môi trường được hưởng ưu đãi về thuế TNDN. Về nguyên tắc, khi thiết kế các quy định về ưu đãi thuế TNDN cho hoạt động bảo vệ môi trường phải theo hướng các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động bảo vệ môi trường cần được khuyến khích và được đối xử bình đẳng như nhau, như vậy mới thu hút được nhiều doanh nghiệp tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

Thứ hai, quy định về hình thức ưu đãi thuế TNDN chưa khuyến khích các doanh nghiệp chuyển hướng tăng trưởng xanh

Để đạt được các mục tiêu tăng trưởng xanh, các hình thức ưu đãi thuế TNDN được các quốc gia trên thế giới sử dụng là “(i) Ưu đãi về thuế suất; (ii) Ưu đãi về thời gian được miễn thuế, giảm thuế; (iii) Giảm trừ thu nhập chịu thuế TNDN trên cơ sở mức vốn đầu tư của dự án; (iv) Giảm trừ trực tiếp nghĩa vụ thuế TNDN (nhà đầu tư được giảm trừ trực tiếp vào nghĩa vụ thuế TNDN phải nộp một số tiền nhất định được xác định trước)...”⁵. Điều này đã được thể hiện rõ trong các quy định của Luật Thuế TNDN như đã phân tích, trong đó hình thức ưu đãi miễn, giảm thuế được sử dụng phổ biến ở nhiều quốc gia. Hình thức ưu đãi “Miễn, giảm thuế có thời hạn tuy có ưu điểm là dễ quản lý nhưng Chính phủ thường rất khó lường trước các ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách ưu đãi này đến nguồn thu ngân sách”⁶. Mặc dù ưu đãi miễn giảm thuế TNDN đã làm tăng tích lũy vốn, thu hút thêm các nguồn lực

⁵ Trương Bá Tuấn (2017), *Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam: Những vấn đề đặt ra và định hướng cải cách*, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/1/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM099400, truy cập ngày 22/3/2024.

⁶ Trương Bá Tuấn (2017), *ltdđ*.

để đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tiêu dùng xanh, sạch hơn, thân thiện với môi trường hơn, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và tăng mức sống của người dân. Tuy nhiên, việc miễn giảm thuế hiện nay mới chỉ khuyến khích và thu hút được những dự án ngắn hạn mà chưa thu hút được những dự án dài hạn, có tác động trên phạm vi rộng để sản xuất xanh hơn, sạch hơn, thân thiện với môi trường hơn. Thêm vào đó, vì nhiều dự án có vòng đời ngắn nên sau khi kết thúc vòng đời của dự án, có thể quay vòng bằng cách cơ cấu lại dự án để được hưởng những ưu đãi về miễn, giảm thuế. Như vậy, về mặt tác động của dự án là gần như không có hiệu quả như dự án đầu tư mới nhưng đổi lại, Nhà nước bị mất một khoản tiền thuế dành cho ưu đãi. Rõ ràng, cần phải xem xét lại các hình thức ưu đãi thuế TNDN cho tăng trưởng xanh.

Thứ ba, một số chính sách pháp luật về ưu đãi thuế TNDN cho tăng trưởng xanh được quy định thiếu tập trung, đồng bộ

Các quy định hiện hành về ưu đãi thuế cho tăng trưởng xanh không được quy định tập trung trong Luật Thuế TNDN mà nằm rải rác trong một số Luật chuyên ngành như Luật Đầu tư, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa... Đơn cử như quy định về các hình thức ưu đãi thuế TNDN đối với hoạt động bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì quy định hình thức ưu đãi là miễn, giảm thuế TNDN (điểm a khoản 1 Điều 141), trong khi hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Thuế TNDN thì còn được hưởng thêm thuế suất ưu đãi⁷. Đồng thời, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững (Nghị quyết số 07-NQ/TW), nêu rõ: "*hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong các sắc thuế và chính sách miễn, giảm, giãn thuế, bảo đảm tính trung lập của thuế...*". Do vậy, trong thời gian tới, nhất thiết phải xem xét lại các quy định về ưu đãi thuế trong các luật chuyên ngành. Ngoài ra, xu hướng chung của một số các quốc gia trên thế giới nhằm thúc đẩy cho tăng trưởng xanh thông thường sẽ dành các ưu đãi cho những ngành,

lĩnh vực mang tính mũi nhọn, có tác động lớn tới phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống con người.

3. Định hướng hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho tăng trưởng xanh ở Việt Nam

Thứ nhất, quy định bổ sung thêm các hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi thuế TNDN. Hoạt động bảo vệ môi trường là một trong ba trụ cột chính của tăng trưởng xanh. Những hậu quả của việc không quan tâm đến bảo vệ môi trường trong mô hình tăng trưởng nêu đã làm cho môi trường sống của con người ngày càng ô nhiễm nghiêm trọng. Các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đã phải tiêu tốn rất nhiều các nguồn lực để xử lý các vấn đề về ô nhiễm môi trường. Do vậy, hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích bằng nhiều hình thức, trong đó có ưu đãi về thuế TNDN. Trong thời gian tới, cần thiết phải tiến hành sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo một trong hai hướng như sau: (1) Bổ sung thêm các hoạt động bảo vệ môi trường như: Chuyển giao công nghệ môi trường; cung cấp các thông tin về môi trường; tư vấn các thông tin về môi trường; đào tạo về môi trường... vào danh mục hoạt động bảo vệ môi trường (phụ lục XXX ban hành theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP); hoặc (2) Giữ nguyên danh mục hoạt động bảo vệ môi trường như hiện tại và bổ sung thêm quy định dẫn chiếu tới các ưu đãi thuế TNDN trong Luật Thuế TNDN bằng cụm từ "các trường hợp ưu đãi khác về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Thuế TNDN". Bởi lẽ, hoạt động bảo vệ môi trường bao gồm cả những hoạt động phòng ngừa, xử lý và khắc phục về môi trường, nên những hoạt động tư vấn thông tin môi trường, đào tạo môi trường... cũng cần quy định là những hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

Thứ hai, mở rộng thêm các hình thức ưu đãi thuế TNDN cho tăng trưởng xanh để khuyến khích các doanh nghiệp tiến hành đầu tư, sản xuất, kinh doanh xanh hơn, sạch hơn và thân thiện với môi trường hơn. Doanh nghiệp thực hiện việc xanh hoá sản xuất thì phải đầu tư một khoản tiền rất lớn cho khoa học công nghệ, ứng dụng trí tuệ thông minh, công nghệ cao vào quá trình sản xuất, kinh doanh theo hướng xanh, sạch và thân thiện với môi trường. Để giúp doanh nghiệp có thể thực hiện được điều đó, Nhà nước cần dành

⁷ Đinh Văn Linh, "Hoàn thiện hành lang pháp lý về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho bảo vệ môi trường", *Tạp chí Tài chính*, số 4/2023 (799), tr.21-23.

cho các doanh nghiệp các ưu đãi về thuế TNDN. Tuy nhiên, hình thức ưu đãi phổ biến ở Việt Nam là giảm thuế suất, miễn giảm số thuế phải nộp trong một khoảng thời gian nhất định chưa khuyến khích một cách mạnh mẽ các doanh nghiệp tham gia vào xanh hoá sản xuất. Do vậy, cần thiết phải nghiên cứu và bổ sung thêm các hình thức ưu đãi thuế TNDN khác như: Cho giảm trực tiếp số thuế TNDN dựa trên mức vốn đầu tư ban đầu; trừ trực tiếp số thuế TNDN phải nộp; khấu hao nhanh... vào Luật Thuế TNDN. Tuy nhiên, khi nghiên cứu bổ sung và áp dụng các hình thức ưu đãi thuế TNDN như trên, cần lưu ý các ưu đãi về thuế TNDN cho tăng trưởng xanh nói riêng, cho hoạt động của doanh nghiệp nói chung phải được cân đối, đánh giá tác động dựa trên chi phí và lợi ích. Ở đây, chi phí là những chi phí mà Chính phủ phải bỏ ra để thực hiện ưu đãi (như nguồn thu ngân sách giảm, chi phí quản lý hành chính thuế...) và lợi ích là những tác động lan tỏa của ưu đãi thuế tới hoạt động của doanh nghiệp và tới tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng xanh), bảo vệ môi trường và đảm bảo đời sống của con người. Chỉ có như vậy thì ưu đãi thuế TNDN cho tăng trưởng xanh mới tập trung và phát huy hết được hiệu quả là dành các ưu đãi để doanh nghiệp tiến hành đầu tư, sản xuất kinh doanh xanh hơn, sạch hơn và thân thiện hơn với môi trường.

Thứ ba, rà soát, sửa đổi các quy định, chính sách pháp luật về ưu đãi thuế TNDN cho tăng trưởng xanh theo hướng quy định tập trung thống nhất trong Luật Thuế TNDN. Để thực hiện được điều này, cần sửa đổi, bổ sung Luật Thuế TNDN theo hướng hợp nhất toàn bộ các quy định về ưu đãi thuế TNDN cho tăng trưởng xanh trong các luật chuyên ngành vào Luật Thuế TNDN, đồng thời sửa đổi, bổ sung các luật chuyên ngành theo hướng các luật này chỉ quy định các ưu đãi mang tính dẫn chiếu tới Luật Thuế TNDN. Điều này sẽ hạn chế được tình trạng lồng ghép các chính sách xã hội, từ đó làm tăng thêm tính trung lập của thuế như Nghị quyết số 07-NQ/TW đã xác định. Bên cạnh đó, với việc sửa đổi như trên, cần thu hẹp phạm vi ưu đãi, tập trung ưu đãi vào những ngành, lĩnh vực tạo tác động lớn về phát triển kinh tế, đảm bảo đời sống của con người, bảo vệ môi trường, sản xuất xanh, sạch, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng...

4. Kết luận

Luật Thuế TNDN đã dành rất nhiều các ưu đãi về thuế suất, về miễn giảm thuế, về thời hạn miễn giảm thuế cho tăng trưởng xanh. Thực trạng pháp luật cho thấy, về cơ bản các ưu đãi này đã khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào những lĩnh vực, ngành nghề sản xuất xanh, sạch, thân thiện với môi trường. Tuy nhiên, trên thực tế, việc thi hành các quy định về ưu đãi thuế TNDN cho tăng trưởng xanh vẫn gặp phải một số vướng mắc. Do vậy, để hoàn thiện pháp luật về ưu đãi thuế TNDN cho tăng trưởng xanh, nhất thiết phải rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật theo các định hướng đề ra. Có như vậy thì các mục tiêu trong tăng trưởng xanh mới được thực hiện một cách thuận lợi ở Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008;
2. Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
3. Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế;
4. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
5. Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững;
6. Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch;
7. Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050;
8. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
9. Nguyễn Huy Hoàng, *Chính sách tăng trưởng xanh ở một số nước ASEAN trong bối cảnh tái cấu trúc nền kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2015;
10. Đinh Văn Linh, "Hoàn thiện hành lang pháp lý về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho bảo vệ môi trường", *Tạp chí Tài chính*, số 4/2023 (799);
11. Trương Bá Tuấn (2017), *Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam: Những vấn đề đặt ra và định hướng cải cách*, https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/1/tin-bo-tai-chinh?dDocName=MOFUCM099400, truy cập ngày 22/3/2024.